

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09-7-2018

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mậu Đảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ba;
2. Ông Đỗ Cao Thế.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Duy Triều - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2018/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H,

Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N,

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú cuối cùng: Thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; bị Tòa án tuyên bố mất tích tại Quyết định số 01/2016/QĐ-VDS ngày 07 tháng 7 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 3 năm 2018, Bản tự khai, nguyên đơn – ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông (H) và bà Nguyễn Thị N đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bình-Trị-Thiên (nay là xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình) ngày 17 tháng 11 năm 1986. Năm 2009, Ông bị tai nạn gãy chân, bà N đi buôn thay Ông, sau một thời gian thì bà N có tình ý với người khác, đến năm 2010, bà N bỏ nhà ra đi, mang theo tư

trang cá nhân và giấy tờ cần thiết, tất cả tiền bạc trong gia đình cho đến nay không có tin tức gì, không liên lạc với bất kỳ một ai trong gia đình cũng như bà con nội, ngoại; Tòa án đã có quyết định tuyên bố bà Nga mất tích. Nay Ông có nguyện vọng muốn được ly hôn bà Nguyễn Thị N.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn H khai có 03 con chung tên là Nguyễn Văn H, sinh ngày 18/02/1988; Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 05/02/1990; Nguyễn Văn H, sinh ngày 21/01/1996; hiện nay, Nguyễn Văn H đã có gia đình, Nguyễn Thị Hồng T, Nguyễn Văn H đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn – ông Nguyễn Văn H trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Hiện nay, Ông (H) không còn tình cảm gì với bà Nguyễn Thị N. Bà N biệt tích từ năm 2010, Tòa án đã tuyên bố bà N mất tích tại Quyết định số 01/2016/QĐ-VDS ngày 07 tháng 7 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, Ông không có cuộc sống chung với bà N nên xin được ly hôn. Về con chung với bà Nguyễn Thị N: Ông với bà N có 03 con chung, nay các con đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không còn phải giải quyết việc chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung với bà Nguyễn Thị N: Ông (H) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh có quan điểm:

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về việc tiến hành tố tụng: Việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tiến hành tố tụng; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự, cho Viện kiểm sát, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn mất tích nên không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng chấp hành, tiến hành, thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N; các con của ông H-bà N đã trưởng thành nên không phải giải quyết về việc chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng; về tài sản chung không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án có tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú, bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N là người bị Tòa án tuyên bố mất tích tại Quyết định số 01/2016/QĐ-VDS ngày 07-7-2016 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đến nay bà N chưa trở về, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhưng bà N vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 19-6-2018, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, bị đơn- bà Nguyễn Thị N vắng mặt, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 09-7-2018, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần hai, bà N vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị N.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn H:

Đối với yêu cầu giải quyết ly hôn: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N chung sống với nhau, đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 11 năm 1986 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bình-Trị-Thiên (nay là xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình) là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N đã đến mức căng thẳng; tình cảm, quan hệ vợ chồng, cuộc sống chung giữa hai bên không còn, bà N đã bỏ đi (đã có quyết định tuyên bố mất tích), vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, áp dụng Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N.

Đối với quan hệ về con chung: Các con của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N đã thành niên, phát triển bình thường; không có đương sự yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng, chăm sóc, cấp dưỡng cho con nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung; Không có đương sự yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm – ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Áp dụng Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N.

2. *Về quan hệ con chung:* Con chung của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N đều đã thành niên; không có đương sự yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung:* Không có đương sự yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án ông Nguyễn Văn H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm vụ án ly hôn là 300.000đồng. Số tiền án phí ông H phải nộp được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/N⁰ 0001146 ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Q;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Mậu Đảo